

BÁO CÁO

Công khai số liệu thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT/BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình “ về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021”;

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình báo cáo như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

1. Nội dung công khai

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2021 theo Biểu số 3-Ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính.

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trên website của Sở tư pháp Ninh Bình (sotuphap.ninhbinh.gov.vn)

3. Thời điểm công khai: Ngày 14/01/2022

II. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

1. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách:

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

a. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2021: dự toán giao 661.000.000đ
- Kinh phí đã sử dụng trong năm 2021: 650.835.000 đạt 98.5% so với dự toán giao.

b. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ

- Kinh phí được giao trong năm 2021: 47.000.000đ
- Kinh phí đã sử dụng trong năm 2021: 46.500.000 đạt 98.94% so với dự toán giao.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình./.

Nơi nhận:

- Website STP;
- Lưu KT, VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

Lã Khắc Khánh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình

Chương: 414

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh	
				Dự toán (tỷ lệ %)	Cùng kỳ năm trước (%)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hàng chính				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 13	661.000.000			
	-Mục 6000: Tiền lương	260.000.000			
	+Tiêu mục 6001: Lương ngạch, bậc		234.874.824	90	32%
	+Tiêu mục: 6099: Lương hợp đồng		40.623.141	15	32%
	-Mục 6100: Phụ cấp lương	12.000.000			
	+Tiêu mục 6101: Phụ cấp chức vụ	12.000.000	9.960.650	83%	30%
	+Tiêu mục 6113: Phụ cấp trách nhiệm	-	-	-	
	-Mục 6300: các khoản đóng góp	64.000.000			
	+Tiêu mục 6301: Bảo hiểm xã hội	45.000.000	29.602.948	65	-
	+Tiêu mục 6302: Bảo hiểm y tế	6.000.000	5.074.791	85	-
	+Tiêu mục 6303: Kinh phí Công đoàn	10.000.000	10.717.272	26	109%
	+Tiêu mục 6304: Bảo hiểm thất nghiệp	3000.000	1.691.597	56	-
	-Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	15.000.000			
	+Tiêu mục 6501: tiền điện	12.000.000	12.325.150	102%	203%
	+Tiêu mục 6502: tiền nước	3000.000	2.727.432	91	-
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	24.000.000			

	+Tiêu mục 6551: Văn phòng phẩm	12.000.000	17.759.000	148	57%
	+Tiêu mục 6552: Mua sắm dụng cụ VP	6.000.000	-	-	-
	+Tiêu mục 6553: Khoản văn phòng phẩm		-	-	-
	+Tiêu mục 6599: Tiền vật tư văn phòng	6.000.000	5.300.000	88	-
	-Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền	8.000.000			
	+Tiêu mục 6601: Cước phí điện thoại	500.000	400.467	80	330%
	+Tiêu mục 6603: cước phí bưu chính				
	+Tiêu mục 6605: Cước phí Internet	3.000.000	2.299.000	76	133%
	+Tiêu mục 6608: Báo, Tạp trí				
	+Tiêu mục 6649: khác	4.500.000	4.140.000	92	
	Mục 6700: công tác phí	30.000.000			
	Tiêu mục 6701: Tiền vé máy bay, tàu xe				
	+Tiêu mục 6702: Phụ cấp công tác phí				
	+ Tiêu mục 6703: Tiền thuê phòng ngủ				
	+ Tiêu mục 6704: Khoản công tác phí	30.000.000	25.900.000	86	33%
	-Mục 6900: Sửa chữa tài sản thường xuyên	80.000.000			
	+Tiêu mục 6912: Sửa chữa thiết bị tin học	10.000.000	8.450.000	84	
	+Tiêu mục 6913: Sửa chữa thiết bị Văn Phòng	60.000.000	54.340.000	90	129%
	Tiêu mục 6949: Sửa chữa khác	10.000.000	22.300.000	22	
	-Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
	+Tiêu mục: 7012: Sách, tài liệu, chế độ dùng				
	-Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình				
	+ Tiêu mục 7053: mua, bảo trì phần mềm CNTT		3.300.000		143%
	Mục 7750: Chi khác	8.000.000			
	+ Tiêu mục 7756: Chi các khoản phí				
	+ Tiêu mục 7761: Chi tiếp khách	8.000.000	6450.400	80	20%
	+Tiêu mục 7799: Chi các khoản khác				
	Mục 7950: Chi lập các quỹ của đơn vị	160.000.000			
	+Tiêu mục 7951: Quỹ bổ sung thu nhập	90.000.000	88.898.328	99	
	+ Tiêu mục 7952: Quỹ phúc lợi	50.000.000	44.000.000	88	3%
	+ Tiêu mục 7954: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	20.000.000	19.700.000	98	
2	Nguồn kinh phí chi không thường xuyên:12	47.000.000			
	+Tiêu mục 6552: Mua sắm cc, dụng cụ VP	13.000.000	13.000.000	100	
	+Tiêu mục 6955: Tài sản và thiết bị văn phòng	11.000.000	10.500.000	95	
	+ Tiêu mục 6999:	9.000.000	9.000.000	100	
	+ Tiêu mục 7053:	14.000.000	14.000.000	100	

Ngày 15 tháng 1 năm 2022

Người lập

Nhung

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Lã Khắc Khánh